

CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã Hải Lăng giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 21/8/2025 của Đảng bộ xã Hải Lăng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Hải Lăng về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2026; căn cứ Chương trình công tác năm 2026, UBND xã Hải Lăng xây dựng Chương trình phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

1. Điều kiện tự nhiên:

Xã Hải Lăng có diện tích tự nhiên đất tự nhiên 11.657,13 ha; trong đó nhóm đất nông nghiệp 10.232,17 ha, bao gồm: đất trồng lúa 819,68 ha; đất trồng cây hàng năm khác 858,41ha; đất trồng cây lâu năm 209,95 ha; đất lâm nghiệp 7.977,07 ha. Địa hình chủ yếu là đồng bằng, gò đồi thuận lợi cho phát triển các loại cây trồng như lúa, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày, trồng rừng sản xuất. Hệ thống sông suối, ao hồ trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và phát triển nuôi trồng thủy sản.

Khí hậu của địa phương thuộc vùng nhiệt đới gió mùa, có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô, có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa, trồng rừng sản xuất, trồng cây ăn quả, cây màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp, thường xảy ra mưa bão, lũ lụt, hạn hán, gây ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

2. Lĩnh vực trồng trọt:

Trong những năm qua, lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn xã đã có những bước phát triển nhất định. Diện tích gieo trồng các loại cây cơ bản được duy trì ổn định. Nhiều loại giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao đã được đưa vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và sản lượng. Tổng diện tích gieo trồng cả năm 1.880,42 ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 7.611,21 tấn. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 87,8 triệu đồng.

Cây lúa vẫn là cây trồng chủ lực của địa phương, chiếm phần lớn diện tích sản xuất nông nghiệp. Nhờ áp dụng các giống lúa mới và các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, năng suất lúa từng bước được nâng lên. Ngoài ra, người dân còn

phát triển một số loại cây hoa màu như ngô, lạc, đậu, rau màu... nhằm tăng thu nhập và đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.

Diện tích gieo cấy lúa cả năm 1.450,32 ha, năng suất 50,17 tạ/ha, sản lượng 7.276,6 tấn. Cơ cấu giống chủ lực: Khang Dân 329,9 ha (45,5%); HG244 142 ha (19,6%), HC95 140 ha (19,3%), HG12 64,8 ha (8,9%), ST24, ST25 15ha (2,1%) và các giống khác 33,46 ha (4,6%). Trong đó: Lúa chất lượng cao trên 361,8 ha, đạt 50,0%.

Diện tích cây ngô đạt 75 ha; khoai lang 69,5 ha; lạc 35,1 ha; đậu các loại 10,5 ha. Diện tích thu hoạch cây sắn đạt 240 ha. Diện tích rừng toàn xã 7.687,28ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên 2.122,11 ha, diện tích rừng trồng 4.379,47 ha. Tỷ lệ che phủ rừng 55,62%. Trong năm, diện tích rừng khai thác ước tính khoảng 502,49 ha.

Tuy nhiên trên lĩnh vực trồng trọt vẫn còn một số hạn chế như: quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún; đồng ruộng bậc thang khó canh tác, chi phí sản xuất cao; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn chậm; việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật chưa đồng đều; liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế, hiệu quả sản xuất chưa cao so với tiềm năng của địa phương; diện tích trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC còn hạn chế.

3. Lĩnh vực chăn nuôi:

Chăn nuôi trên địa bàn xã chủ yếu vẫn là quy mô nhỏ lẻ trong hộ gia đình. Các loại vật nuôi chủ yếu gồm trâu, bò, lợn và gia cầm như gà, vịt. Trong những năm gần đây, một số hộ dân đã mạnh dạn đầu tư phát triển chăn nuôi theo mô hình gia trại, trang trại, bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế.

Công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn quan tâm thực hiện. Các chương trình tiêm phòng định kỳ được triển khai nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

Toàn xã có 1 trang trại chăn nuôi quy mô lớn, 10 trang trại quy mô vừa và hơn 80 gia trại chăn nuôi quy mô nhỏ cung cấp nguồn thực phẩm ổn định cho thị trường. Tổng đàn trâu 34 con; tổng đàn bò 546 con, trong đó bò lai 546 con; tổng đàn gia cầm 125,893 ngàn con; đàn dê 182 con; đàn hươu, nai 26 con.

Tuy nhiên, lĩnh vực chăn nuôi vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ, thiếu liên kết trong sản xuất; giá cả thị trường không ổn định; nguy cơ dịch bệnh vẫn còn tiềm ẩn; việc xử lý chất thải chăn nuôi và bảo vệ môi trường chưa được người dân quan tâm đúng mức.

Bên cạnh đó, năm 2025, dịch tả lợn Châu Phi bùng phát trở lại, lây lan trên địa bàn 9/9 thôn làm ảnh hưởng rất lớn đến các hộ chăn nuôi trên địa bàn, số lượng lợn mắc bệnh bị tiêu hủy hơn 9.046 con, trọng lượng 577.830 kg. Tổng đàn lợn sụt giảm từ hơn 27.248 con còn khoảng 14.342 con.

4. Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản:

Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã chủ yếu tận dụng diện tích ao hồ mặt nước tự nhiên và một số diện tích ao nuôi trong hộ gia đình. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 223 ha với các mô hình nuôi cá truyền thống như mô hình cá - lúa, sen - cá, sản xuất cá giống ở Long Hưng. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 92,6 tấn với các loại chủ yếu như: cá lóc, cá rô phi, cá trắm, cá mè, cá trê, cá mặt nước.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản đã góp phần tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân và tận dụng hiệu quả diện tích mặt nước. Tuy nhiên, quy mô nuôi trồng thủy sản còn nhỏ, chủ yếu là quảng canh; kỹ thuật nuôi chưa đồng đều, đối tượng nuôi chủ yếu là các giống cá truyền thống; việc đầu tư cải tạo ao nuôi và áp dụng các mô hình nuôi tiên tiến còn hạn chế. Mặt khác, nuôi trồng thủy sản chịu ảnh hưởng rất lớn bởi mùa mưa bão.

5. Về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Trong thời gian qua, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã đã được quan tâm đầu tư như hệ thống giao thông nội đồng, hệ thống kênh mương thủy lợi, điện phục vụ sản xuất.

Nhờ đó, việc tưới tiêu, vận chuyển vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm của người dân từng bước được thuận lợi hơn. Tuy nhiên, một số tuyến kênh mương, đường giao thông nội đồng vẫn chưa được đầu tư đồng bộ, một số tuyến hư hỏng, xuống cấp, sạt lở chưa được đầu tư nâng cấp, sửa chữa; hệ thống thủy lợi ở một số khu vực chưa đáp ứng tốt nhu cầu tưới tiêu, đặc biệt là các khu vực cao, xa làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất.

6. Về tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản:

Trên địa bàn xã hiện có 08 hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp và một số tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Các tổ chức này đang là “bà đỡ” cho thành viên trong một số dịch vụ nông nghiệp, hỗ trợ người dân trong việc cung ứng giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, bảo vệ thực vật và một phần trong việc tiêu thụ sản phẩm.

Tuy nhiên, hoạt động của một số hợp tác xã và tổ hợp tác hiệu quả chưa cao; việc liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản còn hạn chế; việc kinh doanh các loại hình dịch vụ chậm đổi mới, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp; việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của địa phương chủ yếu phụ thuộc vào thương lái nên giá cả còn bấp bênh, không ổn định.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Nông nghiệp là ngành sản xuất quan trọng, giữ vai trò nền tảng trong phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Là một xã thuần nông, sản xuất nông nghiệp vẫn là nguồn sinh kế chính của phần lớn người dân, đồng thời có ý nghĩa quan trọng trong việc ổn định đời sống và phát triển bền vững.

Trong những năm qua, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng bước được chuyển đổi phù hợp; năng suất và sản lượng một số loại cây trồng được nâng lên; nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả đã được hình thành; đời sống của người dân từng bước được cải thiện. Công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp từng bước được triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún; việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế; ứng dụng khoa học kỹ thuật chưa đồng đều; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa được đầu tư đồng bộ; giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp còn thấp. Ngoài ra, tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất và đời sống của người dân.

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội ngày càng cao, việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và thích ứng với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ quan trọng của địa phương. Đồng thời, việc phát triển nông nghiệp gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Vì vậy, việc xây dựng và triển khai Chương trình phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã giai đoạn 2026 – 2030 là hết sức cần thiết nhằm định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, phát huy tiềm năng và lợi thế của địa phương, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, lao động và các nguồn lực; đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, góp phần xây dựng địa phương ngày càng phát triển bền vững.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017
- Luật Thủy sản số 18/2017/QH 14 ngày 21/11/2017
- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018
- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết Luật Lâm nghiệp
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác
- Nghị định số 26/2019/NQQ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản

- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

- Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 21/8/2025 của Đảng bộ xã Hải Lăng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Hải Lăng về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2026

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã theo hướng hiệu quả, bền vững và nâng cao giá trị gia tăng, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường; ưu tiên phát triển theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất gắn với bảo vệ môi trường; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Phát triển các loại cây trồng vật nuôi chủ lực có lợi thế cạnh tranh; thu hút đầu tư vào công nghệ chế biến sau thu hoạch; nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội và xây dựng địa phương ngày càng phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân đạt từ 3% – 5%/năm; giá trị sản xuất/ha đất canh tác đạt 100-110 triệu đồng.

- Phần đầu năng suất lúa đạt 56-58 tạ/ha. Tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao 50-60% diện tích gieo trồng.

- Chuyển đổi 10-20 ha diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản.

- Hình thành 2-3 vùng sản xuất cây trồng tập trung áp dụng khoa học kỹ thuật.

- Phát triển mới 3-5 mô hình trang trại chăn nuôi xa khu dân cư đảm bảo an toàn sinh học và vệ sinh môi trường.

- Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước, ao hồ tự nhiên để phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với dịch vụ, du lịch; xây dựng 2-3 mô hình nuôi thủy sản thâm canh với các loại giống mới, hiệu quả, áp dụng khoa học kỹ thuật vào quy trình nuôi.

- Thành lập mới 2-3 Tổ hợp tác sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi hoặc nuôi trồng thủy sản

- Từng bước hình thành 1-2 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp

- Phần đầu có 4-5 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP

- Phần đầu 100% hộ chăn nuôi có biện pháp xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường

- Khuyến khích 10-20% diện tích sản xuất nông nghiệp áp dụng các quy trình sản xuất an toàn như VIETGAP, hữu cơ, nông nghiệp sạch.

- Phần đầu có 350-400 ha rừng gỗ lớn, 1000-1200 ha rừng có chứng chỉ FSC, duy trì tỷ lệ che phủ rừng khoảng 56%. Có 5-10 mô hình trồng cây được liệu, 5-10 mô hình trồng cỏ nuôi bò

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Phát triển sản xuất trồng trọt:

Tập trung phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế; khai thác và sử dụng hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đất đai của địa phương, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững.

Tiến hành rà soát, đánh giá lại hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp; trên cơ sở đó tổ chức quy hoạch, bố trí lại các vùng sản xuất trồng trọt phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng và đặc điểm sản xuất của từng khu vực. Hình thành các vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất.

Duy trì diện tích trồng lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực tại địa phương, đồng thời đưa vào sản xuất các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu sâu bệnh và thích ứng với điều kiện thời tiết, khí hậu.

Từng bước chuyển đổi những diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày hoặc cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản phù hợp với điều kiện đất đai và nhu cầu thị trường. Khuyến khích người dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập.

1.1. Phát triển vùng sản xuất rừng gỗ lớn và cây dược liệu

Hình thành vùng trồng nguyên liệu tập trung, từ đó chuyển sang trồng rừng gỗ lớn nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, phát triển rừng có chứng chỉ FSC để mở rộng thị trường xuất khẩu. Phân đầu có 350-400 ha rừng gỗ lớn, phát triển 5-10 mô hình trồng cây dược liệu tập trung tại các thôn Phú Hưng, Thượng Nguyên, Trường Phước. Các loại cây trồng chủ yếu keo lai, keo tai tượng.

Tăng cường liên doanh, liên kết, mở rộng thị trường xuất khẩu; phát triển tuyến đường lâm nghiệp, các bãi tập kết gỗ, đồng thời thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

1.2. Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả

Phân đầu có 80 ha cây ăn quả, tập trung tại các thôn Long Hưng, Xuân Lâm, Mai Đàn. Hình thành các vùng trồng cây ăn quả tập trung, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, gắn với liên doanh, liên kết, tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng mã số vùng trồng cho các vùng cây ăn quả để có thể hướng đến sản xuất hàng hóa, đồng thời dễ dàng quản lý. Xây dựng được thương hiệu, nhãn mác bao bì, sản phẩm, gắn với tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản. Các loại cây trồng chủ yếu: cam, bưởi, ổi,...

1.3. Phát triển vùng sản xuất lúa

Thực hiện công tác tập trung ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn, gắn với công tác liên doanh liên kết, tiêu thụ sản phẩm. Hình thành 01-02 vùng sản xuất lúa tập trung, mỗi vùng có diện tích 5-10 ha, có 50% diện tích lúa chất lượng cao, 10% diện tích lúa ứng dụng VietGAP, xây dựng sản phẩm gạo đặc trưng của xã, các giống chủ lực: ST25, HC 95, HG12, HG244,...

Tập trung sản xuất tại các thôn Đại An Khê, Thượng Xá, Mai Đàn,...

1.4. Phát triển vùng trồng cỏ nuôi bò

Chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa, màu kém hiệu quả sang trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi. Tập trung tại các vùng có điều kiện về đất đai, thổ nhưỡng như thôn Phú Hưng, Long Hưng,...

2. Phát triển chăn nuôi:

Phát triển chăn nuôi theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; từng bước đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất quan trọng trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp của địa phương.

Khuyến khích người dân phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn thức ăn và tập quán sản xuất của địa phương; tập trung phát triển các loại vật nuôi chủ lực như trâu, bò, lợn, gà, vịt; du nhập một số giống con nuôi mới có chất lượng, giá trị cao phù hợp với nhu cầu thị trường; tăng cường công tác lai tạo, cải tạo đàn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản

phẩm chăn nuôi đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tạo nguồn thu nhập ổn định cho người dân.

Từng bước chuyển đổi phương thức chăn nuôi từ nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi theo hướng tập trung, phát triển mô hình gia trại, trang trại; khuyến khích các hộ chăn nuôi đầu tư mở rộng quy mô sản xuất gắn với việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; tổ chức tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định; tăng cường công tác giám sát dịch bệnh, kịp thời phát hiện và xử lý khi có dịch xảy ra nhằm hạn chế thiệt hại cho người chăn nuôi.

Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân áp dụng các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, sử dụng thức ăn chăn nuôi đảm bảo chất lượng, xử lý chất thải chăn nuôi đúng quy định nhằm bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác kiểm soát vệ sinh thú y, kiểm tra hoạt động giết mổ, kinh doanh động vật và sản phẩm động vật; đồng thời nâng cao ý thức của người dân trong việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

3. Phát triển nuôi trồng thủy sản:

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng khai thác hiệu quả tiềm năng diện tích ao, hồ và diện tích mặt nước tự nhiên hiện có trên địa bàn; khuyến khích người dân đầu tư cải tạo ao nuôi, phát triển nuôi các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá nước ngọt, tôm, cua đồng và một số loại thủy sản đặc sản khác, áp dụng các mô hình nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương từng bước nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, góp phần đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp và tăng thu nhập cho người dân.

Đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản như lựa chọn con giống chất lượng, quản lý thức ăn hợp lý, áp dụng các quy trình nuôi tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất.

Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân về quy trình chăm sóc, phòng và trị bệnh cho thủy sản; đồng thời chú trọng công tác quản lý môi trường ao nuôi, đảm bảo điều kiện sinh trưởng và phát triển tốt cho thủy sản nuôi.

4. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Tập trung đầu tư, từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn.

Tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp và mở rộng hệ thống giao thông nội đồng, đảm bảo thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển vật tư nông nghiệp cũng

như tiêu thụ nông sản của người dân; góp phần giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Tổ chức cải tạo, nâng cấp và kiên cố hóa hệ thống kênh mương thủy lợi nhằm đảm bảo chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đối với các vùng sản xuất lúa và cây trồng chủ lực của địa phương, các vùng cao vùng xa, đồng thời tăng cường công tác quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi hiện có.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các công trình phục vụ sản xuất như máy sấy, sân phơi, kho bảo quản nông sản, cơ sở sơ chế, chế biến nông sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp và giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch.

Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận, sử dụng các loại máy móc, thiết bị nông nghiệp hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất.

5. Phát triển kinh tế hợp tác và liên kết sản xuất:

Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, các tổ hợp tác trên địa bàn; thành lập các tổ hợp tác, nhóm liên kết sản xuất nhằm tạo điều kiện cho các hộ nông dân cùng nhau trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện liên doanh liên kết, từng bước hình thành các chuỗi liên kết sản xuất gắn với thị trường, góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp địa phương.

Tạo điều kiện hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, các chương trình hỗ trợ của Nhà nước; đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

6. Phát triển thị trường và xây dựng thương hiệu nông sản

Tập trung phát triển thị trường, mở rộng liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh để tìm kiếm và phát triển thị trường tiêu thụ nông sản gắn với xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

Tổ chức rà soát, lựa chọn và xây dựng các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, có lợi thế của địa phương để tập trung phát triển; từng bước hình thành các sản phẩm chủ lực có chất lượng và giá trị kinh tế cao.

Thực hiện đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp của địa phương; từng bước xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản nhằm nâng cao giá trị và uy tín của sản phẩm trên thị trường.

Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); hỗ trợ hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, bao bì, nhãn mác và tiêu chuẩn sản phẩm theo quy định.

Các sản phẩm chủ lực tại các thôn như sau: thôn Thượng Xá có sản phẩm Gạo sạch, thôn Xuân Lâm có cam Quảng Lâm, thôn Mai Đàn sản phẩm Ổi, thôn Phú Hưng có sản phẩm rừng trồng, thôn Long Hưng có Cam K4, thôn Thượng Nguyên trồng cây dược liệu, thôn Đại An Khê có sản phẩm bánh tét Mặt trăng, tinh bột nghệ, ...

7. Đào tạo, tập huấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật

Tổ chức các lớp đào tạo nghề, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho người dân tập trung vào các nội dung như lựa chọn giống, kỹ thuật canh tác, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, phòng chống dịch bệnh và quản lý sản xuất hiệu quả.

Tăng cường hoạt động khuyến nông, khuyến khích người dân áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, sử dụng giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; nâng cao nhận thức của người dân về sản xuất nông nghiệp an toàn, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trên địa bàn; xác định phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và nâng cao đời sống của người dân.

Cấp ủy, chính quyền địa phương cần quan tâm chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của xã; đồng thời lồng ghép các chương trình, dự án liên quan nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

Phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị, cán bộ phụ trách trong việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp; tăng cường sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể và các thôn trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp tại các thôn; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để có biện pháp tháo gỡ, đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình được thực hiện hiệu quả.

2. Giải pháp về quy hoạch và tổ chức sản xuất:

Tiến hành rà soát, đánh giá lại quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm đất đai, nguồn nước và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của xã trong từng giai đoạn. Việc quy hoạch cần đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, phát huy lợi thế của từng vùng sản xuất.

Từng bước hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của địa phương như vùng gò đồi, vùng đồng bằng, vùng cát; tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng cơ giới hóa, tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Khuyến khích người dân hoán đổi ruộng đất, mở rộng bờ vùng, bờ thửa để hình thành các cánh đồng lớn; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường; ưu tiên phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân.

Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong các khâu sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; từng bước hình thành các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản ổn định và bền vững, góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

3. Giải pháp về khoa học kỹ thuật

Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến, sử dụng phân bón hợp lý, tiết kiệm nước tưới; triển khai các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế góp phần từng bước hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân.

Tăng cường cơ giới hóa trong các khâu sản xuất như làm đất, gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch nhằm giảm chi phí lao động, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân; tạo điều kiện để người dân tiếp cận và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào thực tiễn sản xuất.

Khuyến khích người dân sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu sâu bệnh và thích ứng với điều kiện thời tiết, khí hậu của địa phương; từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Đẩy mạnh áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ hướng tới sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững, đáp ứng yêu cầu của thị trường và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Tổ chức giới thiệu và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mô hình sản xuất theo hướng an toàn, bền vững; tạo điều kiện để người dân tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm các mô hình kinh tế hiệu quả trong và ngoài địa phương để lựa chọn áp dụng vào thực tiễn sản xuất.

4. Giải pháp về vốn và chính sách hỗ trợ

Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp, bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác; đảm bảo việc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của địa phương.

Đẩy mạnh việc lồng ghép các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn đang triển khai trên địa bàn nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng nguồn lực, tránh chồng chéo và góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu phát triển nông nghiệp.

Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ các ngân hàng, quỹ hỗ trợ phát triển và các chương trình tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp; qua đó giúp người dân có thêm nguồn lực đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đồng thời, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn; đặc biệt là các dự án sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, góp phần hình thành các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ bền vững và nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân đầu tư phát triển các mô hình kinh tế, phát triển một số cây trồng, vật nuôi có tiềm năng để tạo sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn xã nhằm phát huy hiệu quả trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân.

5. Giải pháp phát triển kinh tế hợp tác

Tăng cường phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, thúc đẩy liên kết giữa các hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp; góp phần hình thành các chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, nâng cao thu nhập cho người dân.

Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã kinh doanh dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ các hợp tác xã đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực điều hành và mở rộng các dịch vụ phục vụ sản xuất cho thành viên và người dân.

Khuyến khích thành lập các tổ hợp tác sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản nhằm tăng cường sự liên kết, hợp tác giữa các

hộ nông dân; tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác trong việc tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các nguồn vốn hỗ trợ và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã với các doanh nghiệp trong các khâu sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ nông sản; từng bước hình thành các chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ ổn định và bền vững, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

6. Giải pháp về phát triển thị trường tiêu thụ nông sản

Đẩy mạnh việc kết nối giữa người sản xuất, hợp tác xã với các doanh nghiệp và các hệ thống phân phối nhằm hình thành các kênh tiêu thụ ổn định cho sản phẩm nông nghiệp từng bước mở rộng thị trường, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của nông sản địa phương; khuyến khích các hình thức liên kết tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng nhằm giảm rủi ro cho người sản xuất.

Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hợp tác xã xây dựng, đăng ký và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp để từng bước nâng cao uy tín và giá trị của nông sản trên thị trường.

Khuyến khích người dân, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất tham gia các chương trình phát triển sản phẩm đặc trưng của địa phương như Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); qua đó nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Tăng cường các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp của xã thông qua các hội chợ, triển lãm, các kênh truyền thông, các trang mạng xã hội và các hoạt động xúc tiến thương mại; đồng thời mở rộng tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong và ngoài địa phương nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

7. Giải pháp về đào tạo và nâng cao năng lực cho người dân

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho người dân về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; bồi dưỡng nâng cao trình độ sản xuất và kỹ năng quản lý kinh tế cho nông dân thông qua các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; góp phần giúp người dân chủ động hơn trong việc phát triển kinh tế hộ gia đình.

Tạo điều kiện, khuyến khích người dân tích cực học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ sản xuất gắn với các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả; mở rộng hoạt động tư vấn về nghề nghiệp, việc làm, thành lập doanh

nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; tổ chức tốt hoạt động cung ứng trang thiết bị, vật tư nông nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ người dân đầu tư cơ sở sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi hiện đại, ứng dụng công nghệ cao gắn với quy trình sản xuất an toàn, tiên tiến.

Tạo điều kiện để người dân tham gia các hoạt động tư vấn, hỗ trợ kết nối thị trường, quảng bá, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, bảo hộ thương hiệu, chuyển đổi số, bảo đảm an ninh lương thực, an toàn thực phẩm. Phối hợp hướng dẫn tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp cho người dân.

8. Giải pháp về bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững

Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Khuyến khích người dân áp dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp thân thiện với môi trường như sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, sử dụng các biện pháp sinh học trong phòng trừ sâu bệnh; góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Tăng cường quản lý chất thải trong chăn nuôi thông qua việc hướng dẫn người dân xây dựng và sử dụng các công trình xử lý chất thải như hầm biogas, hồ ủ phân hữu cơ, sử dụng chế phẩm sinh học.. qua đó giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời tận dụng nguồn chất thải để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Khuyến khích người dân sử dụng hợp lý và đúng quy định các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hạn chế lạm dụng hóa chất độc hại trong sản xuất nhằm bảo vệ đất đai, nguồn nước và hệ sinh thái nông nghiệp.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp; từng bước hình thành thói quen sản xuất nông nghiệp an toàn, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

VII. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Nguồn vốn thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp được huy động từ nhiều nguồn khác nhau nhằm đảm bảo triển khai hiệu quả các nội dung của chương trình, bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước: Nguồn vốn từ ngân sách cấp trên và ngân sách địa phương được bố trí để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp,

đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, hỗ trợ các mô hình sản xuất hiệu quả và các hoạt động khuyến nông.

- Nguồn vốn từ các chương trình, dự án: Lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án phát triển nông nghiệp, chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình hỗ trợ khác.

- Nguồn vốn của doanh nghiệp và hợp tác xã: Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất với người dân.

- Nguồn vốn của người dân: Huy động nguồn lực từ nhân dân thông qua đầu tư phát triển sản xuất, cải tạo đất đai, xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả.

- Nguồn vốn tín dụng: Tạo điều kiện để người dân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng nhằm đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế: Chủ trì tham mưu UBND xã thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Rà soát quy hoạch, định hướng các vùng chuyên canh nông nghiệp tập trung trên địa bàn; xây dựng đề án hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn trình HĐND xã thông qua.

- Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã giai đoạn 2026 – 2030. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Triển khai thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, mô hình liên kết sản xuất. Chỉ đạo cán bộ khuyến nông phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên để hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cho người dân.

- Tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ đất nông nghiệp; hướng dẫn người dân sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Bố trí nguồn kinh phí thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp theo khả năng ngân sách địa phương; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định. Phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp. Tổng hợp, quyết toán kinh phí thực hiện chương trình theo quy định.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã:

- Phối hợp với Phòng kinh tế và các cơ quan chuyên môn tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Tổ chức các hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn người dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Phối hợp xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tuyên truyền các mô hình hay, cách làm mới, quảng sản phẩm nông nghiệp của xã trên các nền tảng số.

- Tham gia hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ nông dân trong việc kết nối thị trường, tiêu thụ nông sản, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

- Phối hợp với các ban, ngành liên quan trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng vật tư nông nghiệp đúng quy định, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

- Định kỳ báo cáo UBND xã về tình hình hoạt động dịch vụ nông nghiệp, kết quả hỗ trợ phát triển sản xuất và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội:

- Tham mưu UBND xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới đến toàn thể nhân dân trên địa bàn.

- Thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, các hoạt động văn hóa – thông tin để phổ biến các mô hình sản xuất hiệu quả, gương điển hình trong phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các lớp tập huấn, truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

- Tham gia tuyên truyền các nội dung về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, sử dụng hợp lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và xử lý chất thải trong chăn nuôi.

4. Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội:

- Phối hợp với UBND xã tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp đến toàn thể đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp của xã.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ hội viên phát triển kinh tế, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất. Phối hợp tổ chức cho đoàn viên, hội viên làm kinh tế giỏi được tham quan, học hỏi kinh nghiệm các mô hình kinh tế tiêu biểu trong và ngoài địa bàn xã.

- Vận động xây dựng các mô hình kinh tế hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân.

- Tham gia giám sát việc thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp tại địa phương.

5. Trách nhiệm của các thôn

- Vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện các nội dung của chương trình phát triển nông nghiệp; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo định hướng của địa phương.

- Phối hợp với UBND xã và các ngành chức năng triển khai các mô hình sản xuất nông nghiệp tại địa bàn.

- Theo dõi tình hình sản xuất nông nghiệp tại thôn, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc để UBND xã xem xét, giải quyết.

- Vận động nhân dân thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mô hình sản xuất trên địa bàn.

6. Trách nhiệm của hợp tác xã:

- Chủ động tổ chức các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp như cung ứng giống, vật tư nông nghiệp, dịch vụ thủy lợi, làm đất và tiêu thụ sản phẩm; mở rộng các dịch vụ mới có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của thành viên.

- Phối hợp với UBND xã triển khai các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; vận động người dân hoán đổi ruộng đất, mở rộng bờ vùng, bờ thửa để hình thành các cánh đồng lớn, diện tích sản xuất cây trồng tập trung.

- Hướng dẫn xã viên áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm đối với nông sản.

- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản cho người dân.

7. Trách nhiệm của người dân và các hộ sản xuất nông nghiệp:

- Chủ động tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình phát triển nông nghiệp do UBND xã triển khai.

- Tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và xử lý chất thải trong chăn nuôi.

- Tham gia tốt các tổ hợp tác, hợp tác xã, các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức trong sản xuất nông nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm.

Trên đây là Chương trình phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các thôn, hợp tác xã, người dân trên địa bàn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để triển khai Chương trình đảm bảo hiệu quả./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (b/c);
- BTV Đảng uỷ (b/c);
- TT HĐND, BTT UBMT xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trạm TT&BVTV, Trạm CNTY số 8; Trạm KN;
- Hạt Kiểm lâm Hải Lăng;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Các thôn, HTX trên địa bàn xã;
- CVP, PVP, CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Phong